

TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 15
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 55/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 12/5/2026
V/v Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 15 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Huy Toàn.

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Bà Trần Thị Đẹp

2/ Bà Nguyễn Lê Thanh Mai

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Kim Thoa – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 15 – Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 15 – Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Đặng Thị Thanh Trúc – Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 5 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 15 – Thành phố Hồ Chí Minh xét xử công khai vụ án thụ lý số: 294/2025/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 10 năm 2025 về “Ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 18/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 4 năm 2026, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Lê Thị H, sinh năm 1955; số căn cước công dân 074155001890; địa chỉ thường trú: Số C, đường Đ, Tổ D, khu phố H, phường P, Thành phố Hồ Chí Minh. Vắng mặt có đơn xin vắng mặt.

- Bị đơn: Ông Phạm Văn B, sinh năm 1939; số căn cước công dân: 0740339000169; địa chỉ thường trú: Số C, đường Đ, Tổ D, khu phố H, phường P, Thành phố Hồ Chí Minh. Vắng mặt có đơn xin vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

** Tại đơn khởi kiện đề ngày 06 tháng 10 năm 2025 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn – bà Lê Thị H trình bày:*

Bà Lê Thị H và ông Phạm Văn B, sinh năm 1939 là vợ chồng có đăng ký kết hôn vào năm 2019 tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện Đ, tỉnh Đồng Nai (nay là xã Đ, tỉnh Đồng Nai) theo giấy chứng nhận kết hôn số 120, ngày 23/9/2019. Quá trình chung sống vợ chồng chỉ hạnh phúc được thời gian đầu nhưng sau đó thì

phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống vợ chồng không còn tôn trọng nhau nên mâu thuẫn vợ chồng ngày càng gay gắt. Hiện nay vợ chồng bà H, ông B không còn tình cảm, vợ chồng mạnh ai nấy sống nên yêu cầu được ly hôn với ông B.

Về con chung: Quá trình chung sống bà H và ông B có 01 con chung Phạm Trọng V, sinh ngày 02/9/1982 đã trưởng thành.

Bà H khởi kiện, yêu cầu Tòa án giải quyết:

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thị H yêu cầu ly hôn với ông Phạm Văn B.
2. Về con chung: Quá trình chung sống bà H và ông B có 01 con chung Phạm Trọng V, sinh ngày 02/9/1982 đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết.
3. Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Quá trình giải quyết vụ án bị đơn ông Phạm Văn B vắng mặt có đơn xin giải quyết vắng mặt nhưng không có văn bản trình bày ý kiến.*

Tại phiên tòa: Nguyên đơn, bị đơn có đơn xin xét xử vắng mặt

- Phát biểu ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

+ Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa.

* Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử: Thẩm phán đã thực hiện đúng, đầy đủ các quy định tại Điều 203 của Bộ luật tố tụng dân sự.

* Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa: Tại phiên tòa Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

* Việc tuân theo pháp luật tố tụng của những người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã chấp hành đầy đủ, bị đơn chấp hành chưa đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại Điều 70, 71, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 56 của Luật hôn nhân và Gia đình, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Thị H đối với bị đơn ông Phạm Văn B về việc “Ly hôn”.

+ Những yêu cầu, kiến nghị để khắc phục vi phạm tố tụng: Không

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về quan hệ pháp luật: Bà Lê Thị H khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với ông Phạm Văn B nên Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật trong vụ án là “Ly hôn” theo khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thẩm quyền giải quyết: Ông Phạm Văn B, sinh năm 1939; có địa chỉ tại: Số C, đường Đ, Tổ D, khu phố H, phường P, Thành phố Hồ Chí Minh. Theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì Tòa án nhân dân khu vực 15 – Thành phố Hồ Chí Minh là Tòa án có thẩm quyền giải quyết.

[3] Về sự có mặt của các đương sự: Nguyên đơn bà Lê Thị H, bị đơn ông Phạm Văn B có đơn xin giải quyết vắng mặt. Căn cứ khoản 2 Điều 227, 228 và Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với các đương sự.

[4] Về nội dung: Bà Lê Thị H và ông Phạm Văn B chung sống với nhau từ năm 1981, có đăng ký kết hôn tại đăng ký kết hôn vào năm 2019 tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện Đ, tỉnh Đồng Nai (nay là xã Đ, tỉnh Đồng Nai) theo giấy chứng nhận kết hôn số 120, ngày 23/9/2019 theo quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014. Do đó, theo quan hệ hôn nhân giữa bà H và ông B là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Bà H xác định quá trình chung sống vợ chồng chỉ hạnh phúc được thời gian đầu nhưng sau đó thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống vợ chồng không còn tôn trọng nhau nên mâu thuẫn vợ chồng ngày càng gay gắt. Hiện nay vợ chồng bà H, ông B không còn tình cảm, vợ chồng mạnh ai nấy sống nên yêu cầu được ly hôn với ông B.

Xét thấy: Quan hệ hôn nhân tồn tại bền vững dựa trên tình cảm của vợ chồng, sống có trách nhiệm, thương yêu, chăm sóc, quan tâm lẫn nhau. Vợ chồng bà H, ông B vì không còn tình cảm với nhau. Quá trình tham gia tố tụng, Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhiều lần để làm việc, tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng ông B đều vắng mặt nên được xem là từ bỏ quyền trình bày, đưa ra chứng cứ chứng minh để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình; điều này cũng chứng tỏ ông B không mong muốn vợ chồng đoàn tụ. Như vậy, có đủ cơ sở khẳng định mâu thuẫn giữa bà H và ông B đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên bà H yêu cầu được ly hôn với ông B là có cơ sở. Do vậy, căn cứ khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình, chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Lê Thị H đối với ông Phạm Văn B.

Về con chung: Quá trình chung sống bà H và ông B có 01 con chung Phạm Trọng V, sinh ngày 02/9/1982 đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Nguyên đơn không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Nguyên đơn được miễn án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 40, khoản 4 Điều 147, Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 244, Điều 266 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

- Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn – bà Lê Thị H đối với bị đơn – ông Phạm Văn B về việc “Ly hôn”.

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thị H được ly hôn với ông Phạm Văn B.

- Về con chung: Quá trình chung sống bà H và ông B có 01 con chung tên Phạm Trọng V, sinh ngày 02/9/1982 đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ chung: Nguyên đơn không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

2. Về án phí: Bà Lê Thị H được miễn án phí theo quy định.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND TP Hồ Chí Minh;
- VKSND KV 15 – TP Hồ Chí Minh;
- THADS TP Hồ Chí Minh;
- UBND xã Đ, tỉnh Đ;
- Các đương sự;
- Lưu VP, HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**



Hoàng Huy Toàn